TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM
Số: 55/2022/DS-ST
Ngày 10/5/2022
Về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN - TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Nhung.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Tươi
2. Bà Nguyễn Thị Thùy Hương

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2022 tại hội trường TAND thị xã Điện Bàn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2021/TLST-DS, ngày 26 tháng 11 năm 2021 về việc:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 3 năm 2022 giữa:

1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy L – Sinh năm 1972 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn LTN, xã ĐH, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

2/ Bị đơn: Bà Trần Thị T – Sinh năm 1958 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn LTĐ, xã Điện Hồng, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy L trình bày: Do chỗ quen biết nhau và sống cùng địa phương nên vào ngày 20/11/2020 bà L đã cho bà Trần Thị T mượn số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), hẹn sẽ trả trong vòng 2 tháng, khi mượn bà T có ghi giấy nợ. Sau khi mượn tiền bà T không chịu trả nợ như thời gian đã hẹn, mặc dù bà L nhiều lần yêu cầu.

Nay bà L yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nợ đã mượn là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), bà L không yêu cầu trả lãi của số tiền nêu trên.

Bị đơn bà Trần Thị T đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, giao nhận bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, bà T từ chối làm việc với Tòa án và không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên không có lời khai của bà T trong hồ sơ vụ án.

Tóm tắt ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn bà T vắng mặt nhiều lần không có lý do.

+Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX buộc bà T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà L số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà L khởi kiện yêu cầu bà T trả nợ. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện.. Bà T hiện nay đang cư trú tại xã ĐH, thị xã Điện Bàn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét số nợ 150.000.000 đồng: Căn cứ giấy mượn tiền do bà L cung cấp thể hiện vào ngày 20/11/2020 bà T mượn của bà L số tiền 150.000.000 đồng. Khi mượn tiền có ghi giấy nợ và hẹn sẽ hoàn trả trong vòng 2 tháng. Đã quá thời hạn nhưng bà T không trả nợ nên bà L khởi kiện. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bà T bản sao đơn khởi kiện của nguyên đơn, giấy nợ 150.000.000 đồng có chữ ký tên Trần Thị T và các văn bản tố tụng của Tòa án thông qua người thân thích của bà T là ông Lê Đình Duy P (con trai bà T), thông qua Trưởng thôn Lạc Thành Đông, xã Điện Hồng và thông qua phương thức niêm yết công khai. Bà T đã nhận các tài liệu,

chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng bà T không phản đối những tài liệu, văn bản đó, từ chối làm việc với Tòa án, không trình bày ý kiến và nêu yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là những tình tiết không cần phải chứng minh. Do đó việc bà L yêu cầu bà T trả số nợ 150.000.000 đồng là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận. Về khoản lãi suất bà L không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự, Luật Phí và Lệ phí, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thúy L đối với bà Trần Thị T về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Trần Thị T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thúy L số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thúy L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.750.000 đồng (ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tại biên lai thu số 0000854 ngày 26/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

Bà Trần Thị T phải chịu 7.500.000 đồng (bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Những người TGTT;
- VKS, THA;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Nhung